

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Mã đề thi 816

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

- A. Bắc Ninh. B. Hà Nội. C. Hưng Yên. D. Hải Dương.

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Cẩm Phả. B. Phúc Yên. C. Bắc Ninh. D. Hải Phòng.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cho biết cao nguyên nào sau đây cao nhất?

- A. Lâm Viên. B. Mơ Nông. C. Kon Tum. D. Di Linh.

Câu 44. Thiên tai bất thường và gây hậu quả nghiêm trọng ở nước ta là

- A. ngập lụt. B. bão biển. C. lũ quét. D. hạn hán.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

- A. Thuốc lá, ngô. B. Lạc, đậu tương. C. Lạc, mía. D. Mía, ngô.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là

- A. Quảng Nam. B. Đắk Lắk. C. Nghệ An. D. Gia Lai.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

- A. Trà Vinh. B. Tiền Giang. C. Bạc Liêu. D. Bến Tre.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết ở Thiên Cầm có loại hình du lịch nào sau đây?

- A. Thắng cảnh. B. Hang động. C. Vườn quốc gia. D. Du lịch biển.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Mã. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Cả. D. Sông Ba.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 51. Công nghiệp luyện kim thuộc nhóm ngành

- A. công nghiệp khai thác. B. công nghiệp chế biến.
C. công nghiệp trọng điểm. D. công nghiệp tiêu dùng.

Câu 52. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là

- A. điện lực. B. luyện kim. C. đóng tàu. D. khai khoáng.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?

- A. Hà Giang. B. Quảng Ninh. C. Lào Cai. D. Bắc Cạn.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?

- A. Điện Biên Phủ. B. Đồng Hới. C. Lạng Sơn. D. Hà Nội.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 3?

- A. Pleiku. B. Đà Lạt. C. An Khê. D. Buôn Mê Thuột

Câu 63. Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp

- A. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng. B. có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.
C. ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn. D. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ.

Câu 64. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng

- A. cấm khai thác thủy sản ven bờ. B. đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm.
C. chưa gắn với bảo vệ môi trường. D. khuyến khích đánh bắt xa bờ.

Câu 65. Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có

- A. tổng bức xạ lớn. B. khí hậu đa dạng.
C. sông ngòi dày đặc. D. khoáng sản phong phú.

Câu 66. Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa. B. thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.
C. tăng về số lượng và quy mô đô thị. D. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây.

Câu 67. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?

- A. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển. B. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu.
C. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế. D. Tỉ trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất.

Câu 68. Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là

- A. ứng dụng phổ biến công nghệ gen. B. dịch vụ thú y ngày càng phát triển.
C. nguồn cung cấp thức ăn phong phú. D. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng.

Câu 69. Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

- A. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.
B. Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.
C. Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất.
D. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 70. Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay

- A. sử dụng ít giống cho năng suất cao. B. trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.
C. chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại. D. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh.

Câu 71. Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là

- A. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.
B. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.
C. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.
D. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.

Câu 72. Huế có lượng mưa lớn nhất cả nước chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
B. biển Đông, gió mùa, áp thấp nhiệt đới, độ cao địa hình.
C. vĩ độ, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình.
D. vị trí, độ cao địa hình, hướng núi, gió mùa hạ, dòng biển.

Câu 73. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 – 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Số dân thành thị (triệu người)	30,9	31,9	33,8	35,9
Tỉ lệ dân thành thị (%)	33,5	33,8	35,0	36,8

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Kết hợp. C. Cột. D. Tròn.

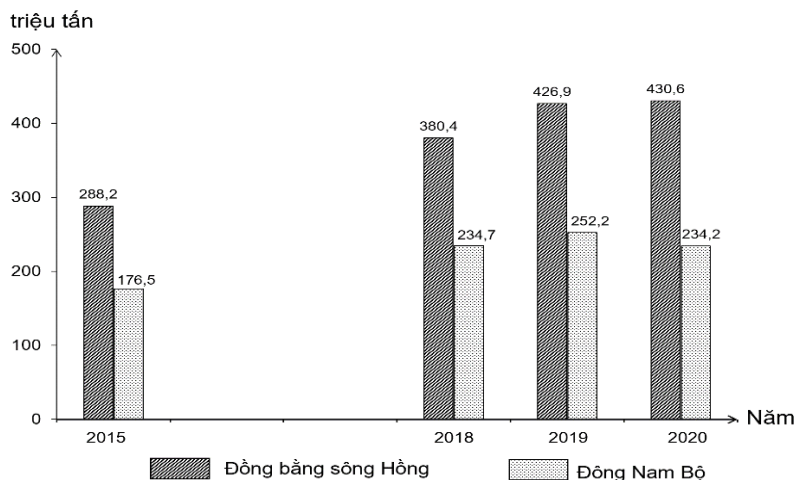
Câu 74. Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do

- A. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng. B. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.
C. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng. D. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.

Câu 75. Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đáp ứng xu thế hội nhập, nâng cao mức sống, tận dụng các nguồn lực.
- B. tận dụng nguồn tài nguyên, đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- C. khắc phục hạn chế, thay đổi phân công lao động, giải quyết việc làm.
- D. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

Câu 76. Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2020



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô khối lượng.
- B. Cơ cấu khối lượng.
- C. Tốc độ tăng khối lượng.
- D. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng.

Câu 77. Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.
- B. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.
- C. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.
- D. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.

Câu 78. Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.
- B. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.
- C. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lý lao động, tăng giá trị nông sản.
- D. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.

Câu 79. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh du lịch biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát huy nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng vị thế vùng.
- B. thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác lợi thế tự nhiên, tạo động lực vùng.
- C. thu hút đầu tư, tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, cải thiện đời sống.
- D. tận dụng thế mạnh, tạo nhiều việc làm mới, đáp ứng nhu cầu du khách.

Câu 80. Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.
- B. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
- C. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.
- D. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.